

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt Chương trình Xúc tiến đầu tư năm 2021**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Quyết định số 03/2014/QĐ-TTg ngày 14/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý nhà nước đối với hoạt động xúc tiến đầu tư;*

*Căn cứ Công văn số 4963/BKHĐT-ĐTNN ngày 31/7/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư năm 2021 và Công văn số 967/BKHĐT-ĐTNN ngày 24/02/2021 của Bộ kế hoạch và Đầu tư về việc Chương trình XTĐT năm 2021 tỉnh Trà Vinh;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 32/TTr-SKHĐT ngày 05/3/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Chương trình Xúc tiến đầu tư năm 2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư (Đính kèm Chương trình số 374/CTr-SKHĐT ngày 05/3/2021 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư).

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế và các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện Chương trình nêu trên đúng nội dung được phê duyệt và quản lý, sử dụng kinh phí đối với các hoạt động xúc tiến đầu tư đúng mục đích, theo quy định hiện hành, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả. Đối với các hoạt động tổ chức đoàn đi học tập kinh nghiệm, hội thảo trong nước và xúc tiến đầu tư ngoài nước, giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan xây dựng kế hoạch cụ thể, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế; Giám đốc Kho bạc nhà nước Trà Vinh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm XTĐT phía Nam;
- Như Điều 4;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT. 04

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**





quốc đã tác động sâu sắc đến kinh tế thế giới và cuộc cách mạng công nghiệp số 4.0 đã dẫn đến suy giảm dòng vốn đầu tư cũng như quá trình tái cơ cấu, dịch chuyển chuỗi sản xuất, cung ứng toàn cầu.

Bên cạnh đó, Việt Nam đã hoàn thành việc ký kết và phê chuẩn Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiên bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên minh Châu Âu (EVFTA) và Hiệp định Bảo hộ đầu tư Việt Nam – Liên minh Châu Âu (EVIPA), mở ra cơ hội để đẩy mạnh quan hệ hợp tác đầu tư, thương mại với một thị trường rộng lớn gồm 11 nước thành viên CPTPP và các nước thành viên EU. Đây cũng là thời điểm có sự chuyển dịch, tái định vị sản xuất của các tập đoàn, doanh nghiệp đứng đầu các chuỗi cung ứng toàn cầu. Việt Nam cần nhận thức đầy đủ về cơ hội và thách thức của xu hướng này, từ đó có các biện pháp xúc tiến đầu tư mới, cạnh tranh nhằm đón đầu dòng dịch chuyển, góp phần tháo gỡ khó khăn và phát triển kinh tế - xã hội.

## **B. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG XÚC TIẾN ĐẦU TƯ**

### **1. Kết quả đạt được**

- Được sự quan tâm, chỉ đạo của Bộ ngành Trung ương, Lãnh đạo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp và huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính về đầu tư, kinh doanh được đẩy mạnh, đã rút ngắn thời gian xử lý và trả kết quả cho doanh nghiệp. Các hoạt động xúc tiến, kêu gọi đầu tư trong nước được tăng cường thực hiện đa dạng, phong phú; Công tác phối hợp, liên kết vùng, liên kết với các cơ quan Trung ương được chủ động triển khai, đã tạo được nhiều kênh xúc tiến đầu tư cho tỉnh.

- Việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, trong nước có bước chuyển biến và đạt kết quả nhất định, công tác xúc tiến đầu tư, quản lý đầu tư được tăng cường, công tác lập quy hoạch, đầu tư hạ tầng tại khu kinh tế, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp ngày càng hoàn thiện.

- Thông qua Hội nghị Xúc đầu tư tỉnh Trà Vinh năm 2020, tỉnh đã 05 dự án trao Quyết định chủ trương đầu tư /giấy chứng nhận đầu tư dự án, với tổng số vốn đầu tư: 5.302 tỷ đồng; ký 19 biên bản ghi nhớ, trong đó có 17 dự án ký biên bản ghi nhớ, với tổng số vốn đăng ký đầu tư: khoảng 205.595.980.000.000 đồng và 02 biên bản ký ghi nhớ nghiên cứu đầu tư các dự án logistics, cảng biển, cảng sông trong đó trọng tâm là nghiên cứu phát triển các dự án khai thác khu kinh tế và cảng Định An và Xúc tiến đầu tư các dự án kinh tế biển trên địa bàn tỉnh đặc biệt khu kinh tế và cảng Định An. Sau hội nghị, nhiều nhà đầu tư đã đến tìm hiểu về môi trường đầu tư, các dự án có quy mô lớn đang tìm hiểu, thực hiện thủ tục đăng ký đầu tư trong thời gian qua đã tạo đà gia tăng sự thu hút đầu tư, từ đó giải quyết việc làm, nâng cao mức sống cho người dân, phát huy tiềm năng sẵn có để góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Công tác cải cách thủ tục hành chính, các chính sách thu hút, kêu gọi và ưu đãi đầu tư ngày càng tốt hơn, các chương trình, dự án đã đầu tư trong những năm qua bước đầu phát huy hiệu quả.

- Đẩy mạnh công tác tháo gỡ khó khăn của nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh do ảnh hưởng dịch bệnh Covid -19.

Từ đầu năm 2020 đến nay, Tỉnh cấp mới Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 28 dự án đầu tư trong và ngoài nước với vốn đăng ký đầu tư 575,22 tỷ đồng và 0,29 triệu USD. Trong đó:

+ Trong KKT, KCN có 7 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký 136,88 tỷ đồng.

+ Ngoài KKT, KCN có 21 dự án đầu tư trong và ngoài nước (20 dự án trong nước với tổng vốn đầu tư 438,34 tỷ đồng; 01 dự án nước ngoài với tổng vốn đầu tư 0,29 triệu USD).

Trong Khu kinh tế, Khu Công nghiệp cấp mới 05 giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư với tổng số vốn đăng ký đầu tư là 115,13 tỷ đồng.

Lũy kế đến nay trong Khu kinh tế, Khu Công nghiệp đã thu hút được 84 dự án với tổng vốn đăng ký đầu tư 157.967,08 tỷ đồng (có 15 dự án có vốn đầu tư nước ngoài tổng vốn đăng ký đầu tư là 2.831,66 triệu USD).

## **2. Những hạn chế, bất cập**

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác xúc tiến đầu tư vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như:

- Hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư chưa như mong đợi, chưa thu hút được nhà đầu tư hạ tầng khu, cụm công nghiệp nên khó khăn trong việc kêu gọi đầu tư đối với nhà đầu tư thứ cấp; Công tác xúc tiến, mời gọi đầu tư chưa thu hút được các dự án có công nghệ tiên tiến, giá trị gia tăng cao vào khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Hầu hết các dự án đang đầu tư chỉ ở quy mô vừa và nhỏ chủ yếu sử dụng lao động thủ công. Các nhà đầu tư đến làm việc chỉ dừng ở mức độ tìm hiểu, khảo sát, quyết định đầu tư chưa nhiều.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến các doanh nghiệp, nhà đầu tư được tăng cường, tuy nhiên mức độ nhận thức về bảo vệ môi trường vẫn chưa chuyển biến tích cực, sâu rộng.

## **3. Nguyên nhân hạn chế, bất cập**

- Do ảnh hưởng dịch bệnh Covid -19, các hoạt động xúc tiến đầu tư không được tổ chức, số lượng nhà đầu tư đến tìm hiểu đầu tư tại Trà Vinh không nhiều, tình hình triển khai thực hiện dự án của nhà đầu tư gặp nhiều khó khăn.

- Quỹ đất sạch còn hạn chế, đa phần đất của dân nên công tác bồi hoàn giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn, mất nhiều thời gian làm ảnh hưởng ít nhiều đến việc thu hút đầu tư, kêu gọi đầu tư hạ tầng kỹ thuật các Khu, Cụm công nghiệp. Từ đó, dẫn đến công tác xúc tiến mời gọi đầu tư đạt hiệu quả chưa cao.

## **B. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH XÚC TIẾN ĐẦU TƯ**

### **I. Mục tiêu, định hướng:**

#### **a) Mục tiêu**

- Đẩy mạnh tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về môi trường, chính sách, tiềm năng, cơ hội, kết nối đầu tư và nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư, phù hợp với tiến trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và của đất nước góp phần tích cực vào thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

- Tiếp tục khai thác có hiệu quả tiềm năng, cơ hội, lợi thế của tỉnh phục vụ cho tăng trưởng kinh tế, thu hút mạnh mẽ các nguồn FDI và ODA trở thành nguồn vốn đầu tư phát triển chủ lực của tỉnh, tập trung triển khai thực hiện các dự án trọng điểm, dự án liên kết vùng và khu vực .... Trước hết, ưu tiên đối với đầu tư hạ tầng giao thông, hạ tầng khu kinh tế, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh, đồng thời phải gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh.

- Tăng cường mạnh hơn nữa, đẩy mạnh quan hệ kinh tế đối ngoại, liên kết hợp tác xúc tiến vùng miền, trong khu vực và các tổ chức quốc tế. Mở rộng hợp tác, nhất là hợp tác đầu tư với ngoài tỉnh, ngoài nước đi vào chiều sâu để thu hút ngày càng nhiều dự án có công nghệ cao và kinh nghiệm quản lý tiên tiến, nhằm phát triển nhanh và bền vững nền kinh tế tỉnh nhà.

- Ưu tiên tập trung đầu tư về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; Có chính sách hợp lý, minh bạch đi đôi với tiếp tục cải cách hành chính, trọng tâm là thủ tục hành chính trong đầu tư xây dựng... tạo môi trường đầu tư, kinh doanh ổn định và hiệu quả cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư để xây dựng môi trường đầu tư thông thoáng, thuận lợi.

- Duy trì đối thoại thường xuyên với các nhà đầu tư nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc của các dự án đang hoạt động, đảm bảo các dự án hoạt động có hiệu quả, đúng tiến độ và tiếp tục củng cố lòng tin của các nhà đầu tư đối với môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh tạo hiệu ứng lan tỏa và tác động tích cực tới nhà đầu tư mới. Đối mới hoạt động xúc tiến đầu tư phải đảm bảo hài hòa các lợi ích của nhà nước, nhà đầu tư và người dân. Nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư đi đôi với cải thiện môi trường đầu tư.

- Giới thiệu môi trường và các điều kiện cần thiết liên quan đến đầu tư, các chính sách ưu đãi đầu tư, các dự án, lĩnh vực ưu tiên mời gọi đầu tư, kêu gọi các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào Trà Vinh.

#### **b) Định hướng thu hút đầu tư**

- Trên cơ sở Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được phê duyệt, tiếp tục triển khai xây dựng các công trình, dự án; huy động tối đa mọi nguồn lực phục vụ đầu tư, phát triển sản xuất, kinh doanh; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào các công trình phát triển kết cấu hạ tầng và các dự án trọng điểm của tỉnh.

- Kêu gọi đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các Khu kinh tế, Khu công nghiệp và Cụm công nghiệp; Công nghiệp chế biến nông thủy sản; Phát triển hạ tầng, đô thị, năng lượng tái tạo; Sản xuất vật liệu xây dựng, sửa chữa đóng tàu; Phát triển các khu trung tâm thương mại – dịch vụ, du lịch văn hóa gắn với du lịch tâm linh,... Hạn chế thu hút đầu tư các dự án ngành nghề, lĩnh vực thu hút nhiều lao động phổ thông, ngành nghề gây ô nhiễm môi trường,...

- Thu hút đầu tư theo hướng chọn lọc các dự án có chất lượng, có giá trị gia tăng cao, sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, phù hợp với tiềm năng và thế mạnh của tỉnh, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh, các huyện, thị xã và thành phố, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm ưu tiên, đảm bảo phát triển bền vững.

- Tăng cường thu hút các dự án quy mô lớn, sản phẩm có tính cạnh tranh cao, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của các tập đoàn xuyên quốc gia, từ đó xây dựng, phát triển hệ thống các ngành, doanh nghiệp phụ trợ; đồng thời, chú trọng đến các dự án có quy mô vừa và nhỏ phù hợp với từng ngành kinh tế, từng địa phương.

- Phổ biến chính sách, điều kiện và môi trường đầu tư: Phát hành ấn phẩm về các dự án mời gọi đầu tư, chính sách ưu đãi đầu tư đến các đối tượng là nhà đầu tư tiềm năng trong và ngoài nước, thông qua các cơ quan thương vụ tại các Đại Sứ quán của Việt Nam ở nước ngoài, cơ quan thương vụ nước ngoài tại Việt Nam, qua các hội thảo, hội nghị, thông qua phương tiện truyền thông đại chúng.

- Công tác chuẩn bị để vận động đầu tư: Xây dựng danh mục dự án ưu tiên mời gọi đầu tư, các dự án sơ bộ, dự án khả thi có điều kiện triển khai ngay; Giới thiệu điều kiện và môi trường đầu tư tại các diễn đàn, hoạt động mời gọi đầu tư, công khai các quy hoạch phát triển để mời gọi đầu tư. Xây dựng cơ sở dữ liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và môi trường đầu tư sẵn sàng cung cấp khi nhà đầu tư có yêu cầu. Tổng hợp báo cáo các yêu cầu, những thuận lợi và khó khăn của các nhà đầu tư đang khảo sát nghiên cứu chuẩn bị đầu tư, cũng như các nhà đầu tư đã và đang đầu tư vào Khu kinh tế, các Khu công nghiệp và Cụm công nghiệp.

- Vận động mời gọi đầu tư: Tham gia diễn đàn xúc tiến, hợp tác trên lĩnh vực đầu tư cấp khu vực, quốc gia và quốc tế; lựa chọn các nhà đầu tư tiềm năng, năng lực tốt để trực tiếp mời gọi đầu tư vào các dự án trọng điểm, quy mô lớn trong Khu kinh tế, các Khu công nghiệp và Cụm công nghiệp.

## **II. Nội dung chương trình xúc tiến đầu tư:**

### **1. Hoạt động nghiên cứu, đánh giá tiềm năng, thị trường, xu hướng và đối tác đầu tư:**

- Hoạt động xúc tiến đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp, các mô hình triển khai kêu gọi đầu tư FDI, các thủ tục hành chính, chính sách đầu tư và triển khai các dự án hợp tác đầu tư tại các tỉnh, thành phố có điều kiện kinh tế - xã hội tương đương với tỉnh để rút kinh nghiệm vận dụng cho tỉnh.

- Tham gia các hội nghị do các Bộ, ngành Trung ương tổ chức tại nước ngoài; Tổ chức và tham gia các Hội nghị xúc tiến đầu tư khu vực hoặc của các tỉnh bạn nhằm thu thập thông tin, đánh giá tiềm năng, thị trường, xu hướng đầu tư của các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

### **1.1 Tổ chức các Đoàn đi xúc tiến đầu tư nước ngoài**

#### **1.1.1 Đoàn đi xúc tiến đầu tư nước ngoài do Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Thời gian tổ chức: Trong năm 2021.
- Quốc gia dự kiến: Bỉ hoặc Đức hoặc Pháp.
- Thời gian đi, về và làm việc: 05 – 07 ngày.
- Thành phần Đoàn: 08 - 10 người.
- Đơn vị thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Đơn vị phối hợp: Các đơn vị liên quan.
- Kinh phí thực hiện: 830.000.000 đồng (Tám trăm ba mươi triệu đồng chẵn).

#### **1.1.2 Tổ chức các Đoàn đi xúc tiến đầu tư nước ngoài do Ban Quản lý Khu kinh tế tổ chức:**

- Thời gian tổ chức: Trong năm 2021.
- Quốc gia dự kiến: Nhật Bản hoặc Hàn Quốc.
- Thời gian đi về và làm việc: 05 - 07 ngày.
- Thành phần Đoàn: 08 - 10 người.
- Kinh phí thực hiện: 821.000.000 đồng.

### **1.2 Tổ chức Đoàn khảo sát và học tập kinh nghiệm trong nước:**

**1.2.1 Tổ chức Đoàn xúc tiến đầu tư đến các Đại sứ quán, các Lãnh sự quán, tham tán kinh tế, thương mại tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và học tập kinh nghiệm xúc tiến đầu tư tại các tỉnh bạn.**

- Thời gian dự kiến tổ chức: Trong năm 2021.
- Đơn vị thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Đơn vị phối hợp: Các đơn vị liên quan.
- Kinh phí thực hiện: 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu đồng chẵn).

**1.2.2 Tổ chức, tham gia các Hội thảo, hội nghị xúc tiến đầu tư trong nước (tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, các tỉnh khu vực ĐBSCL).**

- Thời gian dự kiến tổ chức: Trong năm 2021.
- Đơn vị thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Đơn vị phối hợp: Các đơn vị liên quan.



- Kinh phí thực hiện: 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng chẵn).

**1.2.3 Tổ chức Đoàn xúc tiến đầu tư đến các Đại sứ quán, các Lãnh sự quán, tham tán kinh tế, thương mại, các tập đoàn kinh tế trong và ngoài nước tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.**

- Thời gian tổ chức: Trong năm 2021.
- Thời gian làm việc mỗi đoàn: 03 ngày.
- Đơn vị thực hiện: Ban Quản lý Khu kinh tế.
- Thành phần Đoàn: 08 - 10 người.
- Kinh phí thực hiện: 322.000.000 đồng.

**1.2.4 Tổ chức Đoàn đến các Khu kinh tế trọng điểm, KKT, các KCN, KCX các tỉnh thành học tập kinh nghiệm và xúc tiến đầu tư**

- Thời gian tổ chức: Trong năm 2021.
- Thời gian làm việc mỗi đoàn: 05 ngày.
- Đơn vị thực hiện: Ban Quản lý Khu kinh tế.
- Thành phần Đoàn: 08 - 10 người.
- Kinh phí thực hiện: 322.000.000 đồng.

**2. Hoạt động xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động xúc tiến đầu tư:**

**2.1 Khai thác có hiệu quả website của Sở Kế hoạch và Đầu tư quản lý.**

- Bảo trì và duy trì hoạt động của Website (bao gồm quản trị, gia hạn tên miền và hosting, vận hành website).

- Xúc tiến tổng hợp qua Internet (Xây dựng và sưu tầm bài viết, khai thác chọn lọc bổ sung và cập nhật thông tin danh mục dự án kêu gọi đầu tư, chính sách ưu đãi đầu tư,...).

- Thời gian thực hiện: Trong năm 2021.
- Đơn vị thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Đơn vị phối hợp: Các đơn vị liên quan.
- Kinh phí thực hiện: 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng chẵn).

**2.2 Khai thác có hiệu quả website của Ban Quản lý Khu kinh tế.**

Khai thác có hiệu quả website của Ban Quản lý Khu kinh tế để chuyển tải thông tin cần thiết trên lĩnh vực xúc tiến và tư vấn đầu tư một cách hiệu quả nhất đến các nhà đầu tư, doanh nghiệp, phù hợp với xu thế toàn cầu hóa thông tin hiện nay, là kênh thông tin hỗ trợ tích cực cho các hoạt động xúc tiến và tư vấn đầu tư vào KKT và các KCN.



Hỗ trợ các doanh nghiệp, nhà đầu tư cập nhật lên website đầy đủ các thông tin, giới thiệu hình ảnh doanh nghiệp, các điều kiện trao đổi đầu tư sản xuất kinh doanh; chính sách ưu đãi, hỗ trợ và các thủ tục đầu tư. Thực hiện tốt chức năng quản trị và vận hành website.

Thường xuyên đổi mới và nâng cao chất lượng, nội dung, hình ảnh, cập nhật thông tin kịp thời để giới thiệu về điều kiện tự nhiên - xã hội, tiềm năng kinh tế, môi trường đầu tư, chính sách hỗ trợ đầu tư, dự án đầu tư thông qua website của Ủy ban nhân dân tỉnh [www.travinh.gov.vn](http://www.travinh.gov.vn) và của Ban Quản lý Khu kinh tế [www.teza.travinh.gov.vn](http://www.teza.travinh.gov.vn). Đặt hàng cơ quan truyền thông trong nước và nước ngoài viết bài, làm phóng sự trên báo chí.

Khai thác chọn lọc thông tin trên mạng internet, tập trung vào một số nội dung chủ yếu như: bản tin đầu tư, cơ hội đầu tư, thông tin pháp luật về đầu tư.

- Thu thập, hệ thống hóa các số liệu; Môi trường đầu tư; Pháp luật, chính sách, thủ tục đầu tư.

- Xây dựng và vận hành trang thông tin điện tử Website.

Tổng kinh phí thực hiện: 186.000.000 đồng.

### **3. Xây dựng danh mục dự án kêu gọi đầu tư:**

**3.1 Rà soát danh mục dự án kêu gọi đầu tư giai đoạn 2021 – 2025 của tỉnh, lựa chọn ra một số dự án ưu tiên (khoảng 10 - 20 dự án) xây dựng nội dung thông tin chi tiết của từng dự án để làm cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư, song ngữ Việt – Anh.**

- Rà soát danh mục dự án kêu gọi đầu tư của tỉnh giai đoạn 2021 – 2025.

- Chọn ra một số dự án ưu tiên (khoảng 10 - 20 dự án), xây dựng nội dung thông tin chi tiết của từng dự án để làm cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư, song ngữ Việt – Anh.

- Thời gian thực hiện: Trong năm 2021.

- Đơn vị thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Đơn vị phối hợp: Các đơn vị liên quan.

- Kinh phí thực hiện: 78.000.000 đồng (Bảy mươi tám triệu đồng chẵn).

**3.2 Xây dựng và phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng dự án tóm tắt để làm cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư:**

Xây dựng và phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng dự án tóm tắt để làm cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư; công bố danh mục dự án mời gọi đầu tư vào KKT, các KCN năm 2021; cập nhật thường xuyên danh mục dự án kêu gọi đầu tư vào KKT, các KCN trên website của Ban Quản lý Khu kinh tế gồm các nội dung sau:

- Danh mục dự án kêu gọi đầu tư và nội dung chi tiết của các dự án thuộc danh mục dự án kêu gọi đầu tư.

- Tình hình thực hiện Danh mục dự án kêu gọi đầu tư.
- Các nội dung liên quan đến điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Danh mục dự án kêu gọi đầu tư.

- Kinh phí thực hiện: 113.000.000 đồng.

#### **4. Xây dựng ấn phẩm, tài liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư:**

**4.1 Rà soát, sửa đổi, bổ sung, thiết kế in ấn tài liệu và ấn phẩm, quà tặng, xây dựng video clip giới thiệu tiềm năng của tỉnh, kêu gọi đầu tư dự án phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư, gồm:**

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung, thiết kế in ấn tài liệu và ấn phẩm, quà tặng, xây dựng video clip giới thiệu tiềm năng của tỉnh, kêu gọi đầu tư dự án phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư, In ấn các bản đồ, sơ đồ quy hoạch của tỉnh, Thuê dịch thuật các tài liệu xúc tiến đầu tư, gồm:

- + Hướng dẫn đầu tư vào Trà Vinh, song ngữ Việt - Anh: 1.000 quyển.
- + Hướng dẫn đầu tư vào Trà Vinh, song ngữ Việt - Hàn: 500 quyển.
- + Hướng dẫn đầu tư vào Trà Vinh, song ngữ Việt - Nhật: 500 quyển.
- + Sổ tay hướng dẫn quy trình về thủ tục đăng ký đầu tư: 1.000 quyển.
- + Xây dựng, in ấn các ấn phẩm, mua sắm quà tặng.
- + Xây dựng video clip giới thiệu tiềm năng của tỉnh, kêu gọi đầu tư dự án.
- + Quảng bá trên báo đài Trung ương và địa phương.

- Thời gian thực hiện: Trong năm 2021.

- Đơn vị thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan phối hợp: Các đơn vị liên quan.

- Kinh phí thực hiện: 440.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng chẵn).

**4.2. In ấn, sửa đổi, bổ sung brochure giới thiệu KKT, KCN, Di tu, sửa chữa các panô của KKT Định An, KCN Cổ Chiên, KCN Cầu Quan:**

- Brochure tiếng Việt - Anh: 1.500 cuốn.
- Brochure tiếng Việt - Nhật: 500 cuốn.
- Brochure tiếng Việt - Hàn: 500 cuốn.
- In ấn các bản đồ, sơ đồ KKT và các KCN.
- Trang thiết bị phục vụ công tác xúc tiến.
- Thuê mượn dịch thuật các tài liệu, brochure.
- Quảng bá trên báo đài Trung ương và địa phương.

- Ban Quản lý Khu kinh tế chủ động xây dựng, cập nhật, điều chỉnh thông tin liên tục do nhu cầu thay đổi, biến động trong phạm vi KKT, KCN để kịp thời thông tin đến các nhà đầu tư tiềm năng.

- Tổng kinh phí thực hiện: 386.000.000 đồng.

- Thời gian thực hiện: Trong năm 2021.

- Đơn vị thực hiện: Ban Quản lý Khu kinh tế.

**5. Hoạt động tuyên truyền quảng bá, giới thiệu môi trường, chính sách, tiềm năng và cơ hội đầu tư:**

**5.1. Tổ chức tiếp và làm việc với các nhà đầu tư nước ngoài**

5.1.1 Tổ chức tiếp và làm việc với nhà đầu tư nước ngoài của Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Tổng số Đoàn dự kiến: 30 Đoàn.

- Thành phần của mỗi Đoàn: Số lượng 03 – 06 người.

- Thành phần tiếp và làm việc với mỗi Đoàn: Số lượng 04 – 06 người.

- Thời gian tiếp, làm việc và tham quan thực tế: từ 01 – 03 ngày.

- Đơn vị thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Đơn vị phối hợp: Các đơn vị liên quan.

- Kinh phí thực hiện: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn).

5.1.2 Tổ chức tiếp và làm việc với các nhà đầu tư nước ngoài của Ban Quản lý Khu kinh tế

- Tổng số Đoàn dự kiến: 30 Đoàn.

- Thành phần của mỗi Đoàn: 06 - 08 người.

- Thành phần tiếp và làm việc với mỗi Đoàn: 03 - 04 người.

- Thời gian tiếp, làm việc và tham quan thực tế: Từ 01 - 03 ngày.

- Kinh phí thực hiện: 160.000.000 đồng.

**5.2. Tổ chức tiếp và làm việc với các nhà đầu tư trong nước**

5.2.1 Tổ chức tiếp và làm việc với các nhà đầu tư trong nước của Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Tổng số Đoàn dự kiến: 50 Đoàn.

- Thành phần của mỗi Đoàn: Số lượng 03 – 06 người.

- Thành phần tiếp và làm việc với mỗi Đoàn: Số lượng 04 – 06 người.

- Thời gian tiếp, làm việc và tham quan thực tế: Từ 01 – 03 ngày.

- Đơn vị thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Đơn vị phối hợp: Các đơn vị liên quan.

- Kinh phí thực hiện: 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng chẵn).

5.2.2 Tổ chức tiếp và làm việc với các nhà đầu tư trong nước của Ban Quản lý Khu kinh tế

- Tổng số Đoàn dự kiến: 35 Đoàn.
- Thành phần của mỗi Đoàn: 06 - 08 người.
- Thành phần tiếp và làm việc với mỗi Đoàn: 04 - 05 người.
- Thời gian tiếp, làm việc và tham quan thực tế: Từ 01 - 03 ngày.
- Kinh phí thực hiện: 161.000.000 đồng.

### 5.3. Tham gia các hội nghị, hội thảo, diễn đàn, tọa đàm

5.3.1 Tham gia các hội thảo, hội nghị và các sự kiện do các cơ quan Trung ương, các tỉnh, thành phố và địa phương tổ chức ( tham gia các Hội nghị xúc tiến đầu tư thường niên khu vực ĐBSCL,...).

- Thời gian tham gia: Theo chương trình của các Bộ, ngành Trung ương, các tỉnh, thành phố trong nước.

- Đơn vị thực hiện: Các cơ quan, đơn vị trong và ngoài tỉnh.
- Đơn vị phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị liên quan.
- Kinh phí thực hiện: 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng chẵn).

5.3.2 Tham gia các hội thảo, hội nghị, diễn đàn kinh tế và các sự kiện do các cơ quan Trung ương, các tỉnh, thành phố và địa phương tổ chức (Các hội nghị xúc tiến đầu tư thường niên khu vực đồng bằng sông Cửu Long,... liên quan đến lĩnh vực khu kinh tế, khu công nghiệp).

- Đơn vị thực hiện: Các cơ quan, đơn vị trong và ngoài tỉnh.
- Đơn vị phối hợp: Ban Quản lý Khu kinh tế và các đơn vị liên quan.
- Kinh phí thực hiện: 64.000.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu đồng chẵn).

5.4 Cộng tác với các cơ quan truyền thông như báo, đài, tạp chí Trung ương và địa phương thực hiện các chuyên đề nhằm tăng cường quảng bá hình ảnh của tỉnh, chủ động giới thiệu tiềm năng, cơ hội, các chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư của tỉnh thông qua các bài viết, ấn phẩm, phim, ảnh, phóng sự,...

- Thời gian tổ chức: Trong năm 2021.
- Đơn vị thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Đơn vị phối hợp: Các đơn vị liên quan.
- Kinh phí thực hiện: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng chẵn).

### 6. Đào tạo tập huấn tăng cường năng lực về xúc tiến đầu tư

**6.1 Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn kỹ năng xúc tiến đầu tư cho cán bộ quản lý nhà nước và doanh nghiệp**

- Thời gian dự kiến thực hiện: Quý II hoặc quý III năm 2021.
- Đơn vị thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Đơn vị phối hợp: Các đơn vị liên quan.
- Kinh phí thực hiện: 58.000.000 đồng (Năm mươi tám triệu đồng chẵn).

**6.2 Cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ về xúc tiến đầu tư do Bộ, ngành Trung ương và các đơn vị có liên quan tổ chức**

- Thời gian tham gia: Theo chương trình của Bộ, ngành Trung ương và đơn vị tổ chức.
- Đơn vị thực hiện: Cơ quan, đơn vị trong và ngoài tỉnh.
- Đơn vị phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị có liên quan.
- Kinh phí thực hiện: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng chẵn).

**6.3 Tham gia các lớp tập huấn về nghiệp vụ xúc tiến đầu tư, quản lý đầu tư do Bộ ngành Trung ương và các đơn vị có liên quan tổ chức trong năm 2021**

- Thời gian tham gia: Theo chương trình của Bộ, ngành Trung ương và đơn vị tổ chức.
- Đơn vị thực hiện: Cơ quan, đơn vị trong và ngoài tỉnh.
- Đơn vị phối hợp: Ban Quản lý Khu kinh tế và các đơn vị có liên quan.
- Kinh phí thực hiện: 25.000.000 đồng (Hai mươi năm triệu đồng chẵn).

**6.4 Tổ chức Lớp kỹ năng xúc tiến đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh và năng lực quản lý lao động cho doanh nghiệp**

- Thời gian dự kiến tổ chức: Quý III năm 2021.
- Thời gian tập huấn: 01 ngày.
- Quy mô tổ chức: Gồm 50 - 70 học viên của Ban Quản lý Khu kinh tế, các Sở, ngành, huyện thị và doanh nghiệp trong khu kinh tế và các khu công nghiệp.
- Kinh phí thực hiện: 39.000.000 đồng (Ba mươi chín triệu đồng chẵn).

**7. Hỗ trợ doanh nghiệp và nhà đầu tư tìm hiểu về pháp luật, chính sách, thủ tục đầu tư; tiềm năng, thị trường, đối tác và cơ hội đầu tư; triển khai dự án sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư**

**7.1 Tổ chức Hội nghị gặp gỡ giữa chính quyền với doanh nghiệp/nhà đầu tư**

- Thời gian tổ chức: 02 lần/năm.
- Thời gian Hội nghị: 01 ngày.

- Thành phần tham dự: UBND tỉnh, các Sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố có liên quan; các doanh nghiệp/nhà đầu tư đã và đang đầu tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và nhà đầu tư tiềm năng.

- Kinh phí thực hiện: 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng chẵn).

## **7.2 Tổ chức Hội nghị giao ban với doanh nghiệp trong khu kinh tế, khu công nghiệp:**

- Thời gian tổ chức: Mỗi quý 01 lần (04 lần/năm);

- Thời gian Hội nghị: 01 ngày;

- Thành phần tham dự: UBND tỉnh, các Sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã có liên quan; các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong KKT và các KCN và nhà đầu tư tiềm năng.

- Kinh phí thực hiện: 129.000.000 đồng.

## **8. Hợp tác về xúc tiến đầu tư**

**8.1. Liên hệ, kết nối với các Trung tâm xúc tiến trong và ngoài tỉnh, các cơ quan xúc tiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; các Cục, vụ liên quan của Bộ Ngoại giao, các cơ quan xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại của các nước tại Việt Nam, các cơ quan đại diện Ngoại giao của Việt Nam tại nước ngoài để phối hợp, hợp tác tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư và cung cấp thông tin về tiềm năng lợi thế của tỉnh phục vụ công tác xúc tiến đầu tư**

- Thời gian thực hiện: Trong năm 2021.

- Đơn vị thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Đơn vị phối hợp: Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và các đơn vị liên quan.

- Kinh phí thực hiện: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng chẵn).

## **8.2. Tổ chức xúc tiến đầu tư khác theo chỉ đạo của lãnh đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh**

- Thời gian thực hiện: Theo chỉ đạo của lãnh đạo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Đơn vị thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Đơn vị phối hợp: Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và các đơn vị liên quan.

- Kinh phí thực hiện: 379.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi chín triệu đồng chẵn).

## **III. Nguồn tài chính**

Kinh phí thực hiện Chương trình xúc tiến đầu tư năm 2021: **5.803.000.000 đồng (Năm tỷ tám trăm lẻ ba triệu đồng chẵn)**. Trong đó:

+ Kinh phí thực hiện Chương trình xúc tiến đầu tư của Sở Kế hoạch và Đầu tư là 3.075.000.000 đồng.

+ Kinh phí thực hiện Chương trình xúc tiến đầu tư của Ban Quản lý Khu kinh tế là 2.728.000.000 đồng.

#### **IV. Giải pháp thực hiện**

- Tham gia diễn đàn xúc tiến, hợp tác trên lĩnh vực đầu tư cấp khu vực, quốc gia và quốc tế; lựa chọn các nhà đầu tư tiềm năng, năng lực tốt để trực tiếp mời gọi đầu tư vào các dự án trọng điểm, quy mô lớn trong Khu kinh tế, các Khu công nghiệp và Cụm công nghiệp.

- Kêu gọi đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các Khu kinh tế, Khu công nghiệp và Cụm công nghiệp; Công nghiệp chế biến nông thủy sản; Phát triển hạ tầng, đô thị, năng lượng tái tạo; Sản xuất vật liệu xây dựng, sửa chữa đóng tàu; Phát triển các khu trung tâm thương mại – dịch vụ, du lịch văn hóa gắn với du lịch tâm linh,...

- Phổ biến chính sách, điều kiện và môi trường đầu tư: Phát hành ấn phẩm về các dự án mời gọi đầu tư, chính sách ưu đãi đầu tư đến các đối tượng là nhà đầu tư tiềm năng trong và ngoài nước, thông qua các cơ quan thương vụ tại các Đại Sứ quán của Việt Nam ở nước ngoài, cơ quan thương vụ nước ngoài tại Việt Nam, qua các hội thảo, hội nghị, thông qua phương tiện truyền thông đại chúng.

- Xây dựng danh mục dự án ưu tiên mời gọi đầu tư, các dự án sơ bộ, dự án khả thi có điều kiện triển khai ngay; Giới thiệu điều kiện và môi trường đầu tư tại các diễn đàn, hoạt động mời gọi đầu tư, công khai các quy hoạch phát triển để mời gọi đầu tư. Xây dựng cơ sở dữ liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và môi trường đầu tư sẵn sàng cung cấp khi nhà đầu tư có yêu cầu. Tổng hợp báo cáo các yêu cầu, những thuận lợi và khó khăn của các nhà đầu tư đang khảo sát nghiên cứu chuẩn bị đầu tư, cũng như các nhà đầu tư đã và đang đầu tư vào Khu kinh tế, các Khu công nghiệp và Cụm công nghiệp.

#### **D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Phối hợp với Ban Quản lý Khu Kinh tế, các Sở, ngành tỉnh và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Chương trình này.

- Hàng quý tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả triển khai thực hiện nội dung của Chương trình.

- Tiếp nhận kiến nghị, phản ánh của các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan khi gặp khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình; kiến nghị UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh và theo hướng dẫn của Trung ương.

##### **2. Các Sở, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị có trách nhiệm phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện tốt Chương trình xúc tiến đầu tư năm 2021 thuộc lĩnh vực ngành quản lý.



*(Chương trình này thay thế Chương trình số 1942/CTr-SKHĐT ngày 28/9/2020)*

Trên đây là Chương trình Xúc tiến đầu tư tỉnh Trà Vinh năm 2021. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh, vướng mắc, khó khăn, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

*Nơi nhận:*

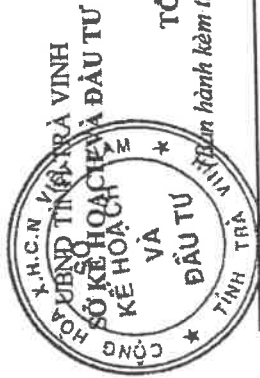
- Bộ KHĐT (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- BGĐ Sở;
- Lưu: VT, TTX.T.PT.

**K.T. GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



*Lâm Hữu Phúc*



**TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG XÚC TIẾN ĐẦU TƯ NĂM 2021**

Thực hiện kèm theo Chương trình số 37/CT-SKHĐT ngày 05/3/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh

SIT	Nội dung chi tiết hoạt động	SỐ KH&ĐT	BQL KKT	Tổng cộng
	2	3	4	5=3+4
1	Hoạt động nghiên cứu, đánh giá tiềm năng, thị trường, xu hướng và đối tác đầu tư	1,400	1,465	2,865
1.1	Tổ chức đoàn đi XTĐT tại nước ngoài (tham gia các Hội nghị XTĐT do các Bộ, ngành TW tổ chức)	830	821	1,651
1.2	Tổ chức các đoàn đi XTĐT trong nước (tổ chức và tham gia các Hội nghị XTĐT khu vực hoặc của các tỉnh bạn)	570	644	1,214
2	Hoạt động xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động xúc tiến đầu tư	120	186	306
2.1	Thu thập, hệ thống hóa các số liệu, môi trường đầu tư		64	64
2.2	Xây dựng và vận hành trang thông tin điện tử Website	120	122	242
3	Xây dựng danh mục dự án kêu gọi đầu tư	78	113	191
3.1	Xây dựng dự án tóm tắt	78	113	191
4	Xây dựng ấn phẩm, tài liệu phục vụ cho hoạt động XTĐT	440	386	826
4.1	In ấn sửa đổi, bổ sung brochure giới thiệu KCN, KKT (Xây dựng tài liệu giới thiệu, quảng bá KCN, KKT) + Sửa chữa xây dựng pano quảng bá KKT, KCN		386	386
4.2	Rà soát, sửa đổi, bổ sung, thiết kế in ấn tài liệu và ấn phẩm, quà tặng, xây dựng video clip giới thiệu tiềm năng của tỉnh, kêu gọi đầu tư dự án	440		440
5	Hoạt động tuyên truyền quảng bá giới thiệu môi trường, chính sách, tiềm năng, cơ hội và kết nối đầu tư	400	385	785
5.1	Tổ chức tiếp và làm việc với các nhà đầu tư nước ngoài	150	160	310
5.2	Tổ chức tiếp và làm việc với các nhà đầu tư trong nước	140	161	301
5.3	Tham gia các hội nghị, hội thảo, diễn đàn, tọa đàm	80	64	144

5.4	Cộng tác với các cơ quan truyền thông như báo, đài, tạp chí trung ương	30		30
6	Đào tạo, tập huấn, tăng cường năng lực về xúc tiến đầu tư	78	64	142
6.1	Tổ chức lớp đào tạo, tập huấn kỹ năng xúc tiến đầu tư cho CB quản lý nhà nước và các DN	58	64	122
6.2	Cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ	20		
7	Hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư	160	129	289
7.1	Tổ chức hội thảo đối thoại doanh nghiệp trong KCN, KKT	160	129	289
8	Hợp tác về xúc tiến đầu tư	399		399
8.1	Liên hệ, kết nối với các Tổ chức đoàn trực tiếp đến các đại sứ quán	20		14
8.3	Tổ chức xúc tiến đầu tư khác theo chỉ đạo của lãnh đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh	379		439
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>3,075</b>	<b>2,728</b>	<b>5,803</b>

## DANH MỤC CÁC DỰ ÁN KÊU GỌI ĐẦU TƯ NĂM 2021

(Kèm theo Công trình số 374/CT-*SKHDT* ngày 05 tháng 3 năm 2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM	DỰ KIẾN QUY MÔ DỰ ÁN	VỐN ĐẦU TƯ DỰ KIẾN	NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ DỰ KIẾN	GHI CHÚ
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP</b>					
1	Dự án xây dựng nhà máy đóng, sửa chữa tàu thuyền và sản xuất gia công cơ khí	KKT Định An	70.000 tấn/năm	2.180 tỷ đồng (104 triệu USD)	Liên doanh, 100% vốn đầu tư trong nước hoặc nước ngoài	
2	Dự án xây dựng nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu	Huyện Cầu Kè, các Khu, cụm Công nghiệp, Khu kinh tế trên địa bàn tỉnh	Tôm sú và tôm thẻ 5.000-8.000 tấn/năm; cá tra 10.000 tấn/năm; cá lóc 5.000 tấn/năm; nghêu 500 tấn/năm	Theo đề xuất của nhà đầu tư	FDI, DNTN	
3	Dự án xây dựng nhà máy chế biến rau màu thực phẩm	Huyện Cầu Kè, các Khu Công nghiệp, Khu kinh tế trên địa bàn tỉnh	30.000-40.000 tấn/năm	100 tỷ đồng	FDI, DNTN	
4	Dự án xây dựng nhà máy chế biến các sản phẩm từ đậu phộng	Huyện Cầu Ngang	3.000-5.000 tấn/năm	100 tỷ đồng	FDI, DNTN	
5	Dự án xây dựng nhà máy chế biến thịt gia súc, gia cầm	Huyện Châu Thành	Heo 8.000-10.000 tấn/năm; bò 5.000-7.000 tấn/năm; gia cầm 2.000-3.000 tấn/năm	250 tỷ đồng	FDI, DNTN	
6	Dự án xây dựng nhà máy chế biến trái cây	Huyện Cầu Kè, Càng Long, Khu công nghiệp Cầu Quan	30.000-40.000 tấn/năm	170 tỷ đồng	FDI, DNTN	

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM	DỰ KIẾN QUY MÔ DỰ ÁN	VỐN ĐẦU TƯ DỰ KIẾN	NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ DỰ KIẾN	GHI CHÚ
7	Dự án Nâng cao, mở rộng nhà máy chế biến	Huyện Cầu Kè, các Khu Công nghiệp, Khu kinh tế trên địa bàn tỉnh	10.000 tấn/năm	200 tỷ đồng	FDI, DNTN	
8	Dự án Xây dựng nhà máy chế biến tôm	Các Khu công nghiệp, Khu kinh tế trên địa bàn tỉnh	10.000 tấn/năm	200 tỷ đồng	FDI, DNTN	
9	Xây dựng nhà máy bảo quản (kho chứa, cấp đông), chế biến thủy, hải sản	Các cụm, Khu công nghiệp, Khu kinh tế trên địa bàn tỉnh	10.000 tấn/năm	150 tỷ	FDI, DNTN	
10	Xây dựng nhà máy chế biến sản phẩm từ cây dừa (cơm dừa, vỏ trái dừa, gáo dừa...)	Huyện Càng Long, Tiểu Cần, Châu Thành; cụm công nghiệp	100.000 tấn /năm	100 tỷ đồng	FDI, DNTN	
11	Xây dựng nhà máy chế biến thức ăn gia súc	Các huyện trên địa bàn tỉnh; cụm, khu công nghiệp	20.000 - 30.000 tấn/năm	50-80 tỷ đồng	FDI, DNTN	
12	Xây dựng nhà máy chế biến thức ăn thủy sản	Các huyện trên địa bàn tỉnh; cụm, khu công nghiệp	20.000 - 30.000 tấn/năm	50 - 80 tỷ đồng	FDI, DNTN	
13	Đầu tư nhà máy chế tạo, lắp ráp thiết bị điện	Khu kinh tế Định An	10.000 tấn/năm	Theo đề xuất của nhà đầu tư	FDI, DNTN	
14	Đầu tư nhà máy lắp ráp và chế tạo hàng điện tử	Khu kinh tế, Khu công nghiệp, cụm công nghiệp	10.000 sản phẩm/năm	Theo đề xuất của nhà đầu tư	FDI, DNTN	
15	Dự án xây dựng nhà máy sản xuất hóa dược	Thành phố Trà Vinh	10.000 tấn/năm	170 tỷ đồng	FDI, DNTN	
16	Dự án xây dựng nhà máy chế biến bánh kẹo	Thành phố Trà Vinh	7.000 tấn/năm	80 tỷ đồng	FDI, DNTN	
17	Dự án xây dựng nhà máy sản xuất nhựa tấm, ống	Huyện Duyên Hải, Trà Vinh	Nhà đầu tư đề xuất	Theo quy mô dự án	FDI, DNTN	
18	Dự án xây dựng nhà máy sản xuất bao bì từ nhựa	Huyện Duyên Hải, Trà Vinh	Nhà đầu tư đề xuất	Theo quy mô dự án	FDI, DNTN	
19	Dự án xây dựng nhà máy thép kết cấu kim loại	Huyện Duyên Hải, Trà Vinh	13.000 tấn/năm	350 tỷ đồng	FDI, DNTN	
20	Đầu tư nhà máy sản xuất phụ tùng, cơ phận	Khu kinh tế, Khu công nghiệp, cụm công nghiệp	10.000 sản phẩm/năm	Theo đề xuất của nhà đầu tư	FDI, DNTN	

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM	DỰ KIẾN QUY MÔ DỰ ÁN	VỐN ĐẦU TƯ DỰ KIẾN	NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ DỰ KIẾN	GHI CHÚ
21	Đầu tư nhà máy gia công cơ khí phục vụ ngành chế biến	Khu kinh tế, Khu công nghiệp, cụm công nghiệp	1.000 tấn/năm	Theo đề xuất của nhà đầu tư	FDI, DNTN	
22	Đầu tư nhà máy sản xuất phụ liệu may các loại	Khu kinh tế, Khu công nghiệp, cụm công nghiệp	100 triệu cái/năm	Theo đề xuất của nhà đầu tư	FDI, DNTN	
<b>II LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP</b>						
23	Dự án đầu tư nuôi tôm nước lợ công nghệ cao	Trên địa bàn thị xã Duyên Hải, huyện Duyên Hải và huyện Cầu Ngang	100 -200 ha/khu	Do nhà đầu tư đề xuất	FDI, DNTN	
24	Dự án hợp tác, liên kết sản xuất và chế biến lúa chất lượng cao phục vụ xuất khẩu	Các huyện: Cầu Kè, Tiểu Cần, Càng Long, Châu Thành, Trà Cú, Cầu Ngang	3.000 - 5.000 ha	Do nhà đầu tư đề xuất	FDI, DNTN	
25	Dự án hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa hữu cơ phục vụ xuất khẩu	Các huyện: Châu Thành, Cầu Ngang	1.000 ha	Do nhà đầu tư đề xuất	FDI, DNTN	
26	Dự án hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm từ dừa hữu cơ	Các huyện: Càng Long, Tiểu Cần, Cầu Kè, Châu Thành, Trà Cú và thành phố Trà Vinh.	2.000 - 5.000 ha	Do nhà đầu tư đề xuất	FDI, DNTN	
27	Dự án hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ các loại cây ăn quả chủ lực (bưởi, thanh long, măng cụt, cam sành, xoài, chuối,...) theo hướng an toàn, chất lượng cao phục vụ xuất khẩu	Huyện Cầu Kè, Càng Long, Tiểu Cần, Châu Thành, Trà Cú và thành phố Trà Vinh	1.000 ha	Do nhà đầu tư đề xuất	FDI, DNTN	
28	Dự án đầu tư phát triển chăn nuôi và chế biến các sản phẩm từ bò thịt chất lượng cao ở các khu quy hoạch chăn nuôi tập trung	Huyện Cầu Kè, Càng Long, Tiểu Cần, Châu Thành, Trà Cú, Cầu Ngang, Duyên Hải	Trên 1.000 con/dự án	Do nhà đầu tư đề xuất	FDI, DNTN	
29	Dự án đầu tư phát triển chăn nuôi và tiêu thụ heo nuôi theo hướng an toàn sinh học ở các khu quy hoạch chăn nuôi tập trung	Huyện Cầu Kè, Càng Long, Tiểu Cần, Châu Thành, Trà Cú, Cầu Ngang, Duyên Hải	Trên 2.000 con/dự án	Do nhà đầu tư đề xuất	FDI, DNTN	

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM	DỰ KIẾN QUY MÔ DỰ ÁN	VỐN ĐẦU TƯ DỰ KIẾN	NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ DỰ KIẾN	GHI CHÚ
30	Dự án đầu tư phát triển chăn nuôi và tiêu thụ gia cầm tại các khu quy hoạch chăn nuôi tập trung	Huyện Càng Long, Tiểu Cần, Cầu Kè, Châu Thành, Trà Cú, Cầu Ngang	Trên 20.000 - 30.000 con/dự án	15 - 30 tỷ đồng/khu	FDI, DNTN	
31	Dự án hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ nghêu tại các bãi bồi ven biển	Huyện Cầu Ngang, Châu Thành, Duyên Hải và thị xã Duyên Hải	200 -300 ha/dự án	Do nhà đầu tư đề xuất	FDI, DNTN	
32	Dự án xây dựng nhà máy chế biến nông thủy sản	Các Huyện: Càng Long, Tiểu Cần và thị xã Duyên Hải	Do nhà đầu tư đề xuất	Do nhà đầu tư đề xuất	FDI, DNTN	
33	Dự án hợp tác, liên kết nuôi tôm sinh thái (Tôm - lúa; tôm - rừng) xuất khẩu.	Huyện Châu Thành, Cầu Ngang, Duyên Hải và thị xã Duyên Hải	1.000 - 2.000 ha	Do nhà đầu tư đề xuất	FDI, DNTN	
<b>III LĨNH VỰC KẾT CẤU HẠ TẦNG - ĐÔ THỊ</b>						
34	Khu Dịch vụ thương mại, văn hóa, Du lịch Ao Bà Om	Phường 8, thành phố Trà Vinh	Khoảng 21,37 ha	Do nhà đầu tư đề xuất	FDI, DNTN	Dự án đầu tư có sử dụng đất, đầu giá lựa chọn nhà đầu tư
35	Khu đô thị Tây Nam thuộc phường 7, thành phố Trà Vinh	Phường 7, thành phố Trà Vinh	Khoảng 49 ha	Do nhà đầu tư đề xuất	FDI, DNTN	Dự án đầu tư có sử dụng đất, đầu giá lựa chọn nhà đầu tư
36	Khu đô thị mới thành phố Trà Vinh	Phường 7, thành phố Trà Vinh	Khoảng 49 ha	Do nhà đầu tư đề xuất	FDI, DNTN	Dự án đầu tư có sử dụng đất, đầu giá lựa chọn nhà đầu tư



TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM	DỰ KIẾN QUY MÔ DỰ ÁN	VỐN ĐẦU TƯ DỰ KIẾN	NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ DỰ KIẾN	GHI CHÚ
37	Khu Dân cư chợ Ba Trường, thành phố Trà Vinh	Xã Long Đức, TP. Trà Vinh	8,24 ha	300 tỷ đồng	FDI, DNTN	Dự án đầu tư có sử dụng đất, đầu giá lựa chọn nhà đầu tư
38	Dự án Khu nhà ở thương mại phường 5, thành phố Trà Vinh	Phường 5, thành phố Trà Vinh	khoảng 7,17 ha	299 tỷ đồng	FDI, DNTN	Dự án đầu tư có sử dụng đất, đầu giá lựa chọn nhà đầu tư
39	Khu đô thị mới phía Đông đường Võ Nguyên Giáp, phường 7, thành phố Trà Vinh	Phường 7, 8 thành phố Trà Vinh	48ha	Do nhà đầu tư đề xuất	FDI, DNTN	Dự án đầu tư có sử dụng đất, đầu giá lựa chọn nhà đầu tư
40	Khu đô thị Tây Bắc, thành phố Trà Vinh	Xã Long Đức, TP. Trà Vinh	250 ha	2.500 tỷ đồng hoặc do nhà đầu tư đề xuất	FDI, DNTN	Dự án đầu tư có sử dụng đất, đầu giá lựa chọn nhà đầu tư
41	Khu đô thị mới phía Đông Nam, thành phố Trà Vinh	Phường 9, thành phố Trà Vinh	250 ha	2.500 tỷ đồng hoặc do nhà đầu tư đề xuất	FDI, DNTN	Dự án đầu tư có sử dụng đất, đầu giá lựa chọn nhà đầu tư
42	Khu đô thị phía Tây Nam, thành phố Trà Vinh	Phường 9, thành phố Trà Vinh	250 ha	2.500 tỷ đồng hoặc do nhà đầu tư đề xuất	FDI, DNTN	Dự án đầu tư có sử dụng đất, đầu giá lựa chọn nhà đầu tư

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM	DỰ KIẾN QUY MÔ DỰ ÁN	VỐN ĐẦU TƯ DỰ KIẾN	NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ DỰ KIẾN	GHI CHÚ
43	Khu đô thị phía Nam, thành phố Trà Vinh	Phường 9, thành phố Trà Vinh	15 ha	400 tỷ đồng	FDI,DNTN	Dự án đầu tư có sử dụng đất, đầu giá lựa chọn nhà đầu tư
44	Khu đô thị phía Đông đường Mậu Thân, thành phố Trà Vinh	Phường 6,9, thành phố Trà Vinh	40 ha	500 tỷ đồng hoặc do nhà đầu tư đề xuất	FDI,DNTN	Dự án đầu tư có sử dụng đất, đầu giá lựa chọn nhà đầu tư
45	Khu đô thị phía Tây đường Mậu Thân, thành phố Trà Vinh	Phường 6,9, thành phố Trà Vinh	40 ha	500 tỷ đồng hoặc do nhà đầu tư đề xuất	FDI,DNTN	Dự án đầu tư có sử dụng đất, đầu giá lựa chọn nhà đầu tư
46	Dự án xây dựng Khu đô thị đường Kiên Thị Nhãn, phường 7, thành phố Trà Vinh	Phường 7, thành phố Trà Vinh	19 ha	300 tỷ đồng hoặc do nhà đầu tư đề xuất	FDI,DNTN	Dự án đầu tư có sử dụng đất, đầu giá lựa chọn nhà đầu tư
47	Dự án khu đô thị đường Ngô Quyền phường 1, 4 và xã Long Đức	Phường 1,4 và xã Long Đức, thành phố Trà Vinh	19 ha	300 tỷ đồng hoặc do nhà đầu tư đề xuất	FDI,DNTN	Dự án đầu tư có sử dụng đất, đầu giá lựa chọn nhà đầu tư

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM	DỰ KIẾN QUY MÔ DỰ ÁN	VỐN ĐẦU TƯ DỰ KIẾN	NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ DỰ KIẾN	GHI CHÚ
48	Dự án xây dựng Nhà ở xã hội, quy mô 15.000 căn	Thành phố Trà Vinh	120 ha	7.500 tỷ đồng	FDI,DNTN	Dự án đầu tư có sử dụng đất, đầu giá lựa chọn nhà đầu tư
49	Dự án xây dựng nhà ở tái định cư, quy mô 5.564 căn	Thành phố Trà Vinh	40 ha	2.800 tỷ đồng	FDI,DNTN	Dự án đầu tư có sử dụng đất, đầu giá lựa chọn nhà đầu tư
50	Trường THPT tư thực chất lượng cao	Trên địa bàn thành phố Trà Vinh		Theo đề xuất của nhà đầu tư		Dự án đầu tư có sử dụng đất, đầu giá lựa chọn nhà đầu tư
51	Trường THCS tư thực chất lượng cao	Trên địa bàn thành phố Trà Vinh		Theo đề xuất của nhà đầu tư		Dự án đầu tư có sử dụng đất, đầu giá lựa chọn nhà đầu tư
52	Trường mầm non chất lượng cao (10 trường)	Trên địa bàn thành phố Trà Vinh		Theo đề xuất của nhà đầu tư		Dự án đầu tư có sử dụng đất, đầu giá lựa chọn nhà đầu tư
53	Bệnh viện đa khoa quốc tế, quy mô 200 giường	Trên địa bàn thành phố Trà Vinh		350 tỷ đồng, hoặc do nhà đầu tư đề xuất		Dự án đầu tư có sử dụng đất, đầu giá lựa chọn nhà đầu tư

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM	DỰ KIẾN QUY MÔ DỰ ÁN	VỐN ĐẦU TƯ DỰ KIẾN	NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ DỰ KIẾN	GHI CHÚ
54	Dự án Đầu tư du lịch kết hợp nghỉ dưỡng Nam sông Cỏ Chiên	Xã Long Đức, TP. Trà Vinh	50 ha	490 tỷ đồng	FDI, DNTN	Dự án đầu tư có sử dụng đất, đầu giá lựa chọn nhà đầu tư
55	Dự án khu du lịch sinh thái cù lao Long Trị	Xã Long Đức, TP. Trà Vinh	50,28 ha	245 tỷ đồng	FDI, DNTN	Dự án đầu tư có sử dụng đất, đầu giá lựa chọn nhà đầu tư
56	Khu du lịch Homestay	Xã Long Đức, TP. Trà Vinh	50 ha	Do nhà đầu tư đề xuất	FDI, DNTN	Dự án đầu tư có sử dụng đất, đầu giá lựa chọn nhà đầu tư
57	Bến xe khách chất lượng cao	Xã Long Đức, TP. Trà Vinh	6,5 ha	Do nhà đầu tư đề xuất	FDI, DNTN	Dự án đầu tư có sử dụng đất, đầu giá lựa chọn nhà đầu tư
58	Hoa viên nghĩa trang nhân dân thành phố Trà Vinh	Phường 9, thành phố Trà Vinh	45,3 ha	135,9 tỷ đồng	DNTN	Có sử dụng đất, đầu giá lựa chọn nhà đầu tư

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM	DỰ KIẾN QUY MÔ DỰ ÁN	VỐN ĐẦU TƯ DỰ KIẾN	NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ DỰ KIẾN	GHI CHÚ
59	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Cổ Chiên	Xã Đại Phước, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh	200 ha	1.400 tỷ đồng (60 triệu USD)	Liên doanh, 100% vốn đầu tư trong nước hoặc nước ngoài	Diện tích đất phục vụ dự án sẽ được giải phóng mặt bằng giao cho nhà đầu tư khi triển khai dự án
60	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Cầu Quan	Thị trấn Cầu Quan, huyện Tiểu Cần và xã Ninh Thới, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh	120 ha	1.100 tỷ đồng (46 triệu USD)	Liên doanh, 100% vốn đầu tư trong nước hoặc nước ngoài	Dự án có trong Quy hoạch sử dụng đất của địa phương, chưa giải phóng mặt bằng
61	Dự án hạ tầng kỹ thuật Khu Đô thị - Dịch vụ - Công nghiệp	KKT Định An	Khoảng 1.241 ha	7.400 tỷ đồng	Liên doanh, 100% vốn đầu tư trong nước hoặc nước ngoài	
62	Dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Ngũ Lạc	KKT Định An	936 ha	5.600 tỷ đồng (267 triệu USD)	Liên doanh, 100% vốn đầu tư trong nước hoặc nước ngoài	
63	Hạ tầng kỹ thuật khu kho ngoại quan	KKT Định An	101 ha	600 tỷ đồng (29 triệu USD)	Liên doanh, 100% vốn đầu tư trong nước hoặc nước ngoài	

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM	DỰ KIẾN QUY MÔ DỰ ÁN	VỐN ĐẦU TƯ DỰ KIẾN	NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ DỰ KIẾN	GHI CHÚ
64	Hạ tầng kỹ thuật khu phi thuế quan	KKT Định An	501 ha	3.000 tỷ đồng (143 triệu USD)	Liên doanh, 100% vốn đầu tư trong nước hoặc nước ngoài	
65	Hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Đôn Xuân	KKT Định An	934 ha	5.600 tỷ đồng (267 triệu USD)	Liên doanh, 100% vốn đầu tư trong nước hoặc nước ngoài	
66	Hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Định An	KKT Định An	591 ha	3.550 tỷ đồng (169 triệu USD)	Liên doanh, 100% vốn đầu tư trong nước hoặc nước ngoài	
67	Dự án xây dựng cảng và dịch vụ cảng Long Toàn	KKT Định An	260 ha	1.560 tỷ đồng (75 triệu USD)	Liên doanh, 100% vốn đầu tư trong nước hoặc nước ngoài	
68	Dự án hạ tầng giao thông trong Khu kinh tế Định An	KKT Định An		1.263 tỷ đồng (56 triệu USD)	Liên doanh, 100% vốn đầu tư trong nước	
69	Dự án đầu tư mở rộng hệ thống công thu gom và nâng cấp công nghệ xử lý Nhà máy xử lý nước thải thành phố Trà Vinh	Nội ô và vùng phụ cận thành phố Trà Vinh	32.500 m công thu gom; Nâng cấp công nghệ từ cơ học thành hồ sinh học, công suất xử lý: 18.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm.	579 tỷ đồng	FDI, DNTN	

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM	DỰ KIẾN QUY MÔ DỰ ÁN	VỐN ĐẦU TƯ DỰ KIẾN	NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ DỰ KIẾN	GHI CHÚ
70	Dự án phát triển thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải thị xã Duyên Hải	Phường 1 và vùng phụ cận thị xã Duyên Hải	7.000 m công thu gom; Nhà máy xử lý công suất: 10.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm.	248 tỷ đồng	FDI, DNTN	
71	Dự án phát triển thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải huyện Tiểu Cần	Nội ô và vùng phụ cận đô thị Tiểu Cần	8.000 m công thu gom; Nhà máy xử lý công suất: 8.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm.	217 tỷ đồng	FDI, DNTN	
72	Đầu tư xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp Sa Bình	Xã Long Đức, TP. Trà Vinh	32,58 ha	368,7 tỷ đồng	FDI, DNTN	Dự án đầu tư có sử dụng đất, đầu giá lựa chọn nhà đầu tư
73	Đầu tư xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp Tân Bình	Xã Tân Bình, huyện Càng Long	25 ha		FDI, DNTN	
74	Đầu tư xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp Bà Trâm	Xã Hưng Mỹ, huyện Châu Thành	50 ha	Theo đề xuất của nhà đầu tư	FDI, DNTN	
75	Đầu tư xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp Tân Ngãi	Xã Lương Hòa, huyện Châu Thành	21,2 ha	Theo đề xuất của nhà đầu tư	FDI, DNTN	
76	Đầu tư xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp Phú Cần	Xã Phú Cần, huyện Tiểu Cần	50 ha	Theo đề xuất của nhà đầu tư	FDI, DNTN	
77	Đầu tư xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp Tân Hòa	Xã Tân Hòa, huyện Tiểu Cần	40 ha	Theo đề xuất của nhà đầu tư	FDI, DNTN	
78	Đầu tư xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp Vàm Bến Cát	Xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè	50 ha	Theo đề xuất của nhà đầu tư	FDI, DNTN	
79	Đầu tư xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp An Phú Tân	Xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè	20 ha	Theo đề xuất của nhà đầu tư	FDI, DNTN	
80	Đầu tư xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp Lưu Nghiệp Anh	Xã Lưu Nghiệp Anh, huyện Trà Cú	40 ha	Theo đề xuất của nhà đầu tư	FDI, DNTN	



TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM	DỰ KIẾN QUY MÔ DỰ ÁN	VỐN ĐẦU TƯ DỰ KIẾN	NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ DỰ KIẾN	GHI CHÚ
81	Đầu tư xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp Mỹ Long Bắc	Xã Mỹ Long Bắc, huyện Cầu Ngang	40 ha	Theo đề xuất của nhà đầu tư	FDI, DNTN	
82	Đầu tư xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp Long Sơn	Xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang	40 ha	Theo đề xuất của nhà đầu tư	FDI, DNTN	
83	Đầu tư xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp Hiệp Mỹ Tây	Xã Hiệp Mỹ Tây, huyện Cầu Ngang	49 ha	Theo đề xuất của nhà đầu tư	FDI, DNTN	
84	Đầu tư xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp Hòa Ân	Xã Hòa Ân, huyện Cầu Kè	50 ha	Theo đề xuất của nhà đầu tư	FDI, DNTN	
85	Khu nhà ở thương mại tại đường 3/2, khóm 1, phường 1, thị xã Duyên Hải	Đường 3/2, khóm 1, phường 1, thị xã Duyên Hải	10.700 m <sup>2</sup>	73,3 tỷ đồng	DNTN	
86	Khu nhà ở thương mại tại đường 1/5, khóm 1, phường 1, thị xã Duyên Hải	Đường 1/5, khóm 1, phường 1, thị xã Duyên Hải	6.079,93 m <sup>2</sup>	34,2 tỷ đồng	DNTN	
87	Bến xe khách thị xã Duyên Hải	Phường 1, thị xã Duyên Hải	03 ha	45 tỷ đồng	DNTN	
88	Nghĩa trang nhân dân thị xã Duyên Hải	Thị xã Duyên Hải	2,5 ha	25 tỷ đồng	DNTN	
89	Nhà tang lễ thị xã Duyên Hải	Thị xã Duyên Hải	0,3 ha	30 tỷ đồng	DNTN	
90	Dự án Khu dân cư chỉnh trang đô thị Trung tâm thị trấn Càng Long, huyện Càng Long	Áp Sa Bình, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh	30 ha (dự kiến mỗi khóm 10 ha)	174,223 tỷ đồng	DNTN	
IV	<b>LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI, DU LỊCH VÀ DỊCH VỤ</b>					
91	Dự án xây dựng các chợ trên địa bàn các phường và xã Long Đức, thành phố Trà Vinh	Trên địa bàn thành phố Trà Vinh		Do nhà đầu tư đề xuất	Đầu tư theo hình thức PPP	

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM	DỰ KIẾN QUY MÔ DỰ ÁN	VỐN ĐẦU TƯ DỰ KIẾN	NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ DỰ KIẾN	GHI CHÚ
92	Dự án xây dựng Khu du lịch sinh thái cù lao Tân Quy	Áp Tân Qui I và II, Xã Phú Tân, huyện Cầu Kè	50ha	200 tỷ đồng	Liên doanh hoặc 100% vốn nhà đầu tư	
93	Khu du lịch sinh thái rừng ngập mặn biển Ba Động	xã Trường Long Hòa, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	368 ha	1.340 tỷ đồng	Liên doanh hoặc 100% vốn nhà đầu tư	
94	Dự án xây dựng Khu du lịch sinh thái hàng dương	Xã Mỹ Long Nam, huyện Cầu Ngang	20 ha	150 tỷ đồng	Liên doanh hoặc 100% vốn nhà đầu tư	
95	Khu du lịch khoán nóng Duyên Hải	Khóm Long Thành, phường 1, TX. Duyên Hải	30 ha	600 tỷ đồng	Liên doanh hoặc 100% vốn nhà đầu tư	
96	Dự án nhà hàng, khách sạn đường Ngô Quyền, phường 1, thị xã Duyên Hải	Ngô Quyền, phường 1, thị xã Duyên Hải	0,691 ha	95 tỷ đồng	FDI, DNTN	Dự án đầu tư có sử dụng đất, đầu giá lựa chọn nhà đầu tư
97	Khu Trung tâm Thương mại, dịch vụ phường 8	Phường 8, thành phố Trà Vinh	5,2 ha	Do nhà đầu tư đề xuất	FDI, DNTN	
98	Dự án xây dựng chợ Dân Thành	Xã Dân Thành, thị xã Duyên Hải	1,2 ha	50 tỷ đồng	DNTN	
99	Dự án xây dựng chợ Trường Long Hòa	Xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải	1,2 ha	51 tỷ đồng	DNTN	
100	Dự án xây dựng chợ Hiệp Thạnh	Xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải	1,2 ha	52 tỷ đồng	DNTN	
101	Dự án du lịch cộng đồng Cồn Hô	Xã Đức Mỹ, huyện Càng Long	27 ha	30 tỷ đồng	FDI, DNTN	

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM	DỰ KIẾN QUY MÔ DỰ ÁN	VỐN ĐẦU TƯ DỰ KIẾN	NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ DỰ KIẾN	GHI CHÚ
102	Dự án nuôi thủy sản lồng bè	Xã Đức Mỹ, huyện Càng Long	40 ha	50 tỷ đồng	FDI, DNTN	
103	Khu du lịch sinh thái miệt vườn	Thị trấn Càng Long, huyện Càng Long	68 ha	12 tỷ đồng	FDI, DNTN	

